

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DSST

Ngày 29-8-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Đường

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Hải - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Minh C - sinh năm: 1970

Địa chỉ: Khu 6, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B - sinh năm: 1973

Địa chỉ: Khu G (Khu 10), xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:*

Chị Trần Thị Thu H - sinh năm 1972, địa chỉ: khu 6, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Chị Hiền là vợ anh C)

Người đại diện được chị H ủy quyền: Anh Vũ Minh C - sinh năm: 1970, địa chỉ: Khu 6, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/11/2018, tại bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Minh C trình bày:

Ngày 03/11/2015, chị Nguyễn Thị B có vay của vợ chồng anh số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất tự thỏa thuận. Đến ngày 10/7/2017

chị Nguyễn Thị B lại vay tiếp của vợ chồng anh số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), lãi suất tự thỏa thuận. Cả 02 lần chị B vay tiền anh đều lập thành văn bản là giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Như vậy, tổng số tiền 02 lần chị B vay anh là 80.000.000đ, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về thời hạn vay sau khoảng 02 tháng thì trả, tuy nhiên từ đó đến nay chị B không trả nợ gốc và cũng không trả khoản lãi nào. Anh có đến nhà yêu cầu nhiều lần nhưng chị B vẫn xin khất và xin trả nợ dần, nhưng đến nay vẫn chưa trả được.

Quá trình giải quyết vụ án anh C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị B phải cho trả cho vợ chồng anh số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh 10%/tháng, nhưng tại phiên tòa anh C thay đổi quan điểm vì chị B hiện nay kinh tế khó khăn, nên anh chỉ yêu cầu chị B trả lãi số tiền gốc 40.000.000đ, lãi tính từ ngày 03/11/2015 đến ngày 03/7/2019 là 44 tháng với lãi suất 20%/năm là 29.321.000đ. Tổng số tiền cả gốc và lãi anh yêu cầu chị B phải trả là 69.321.000.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi một đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C có yêu cầu Tòa án buộc cả chị B và chồng chị B là anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1969; địa chỉ: Khu G (Khu 10), xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ phải chịu trách nhiệm liên đới để trả nợ cho anh. Tuy nhiên sau đó anh C có văn bản xin rút yêu cầu phải liên đới trả nợ đối với anh S, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Theo Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị B thừa nhận cả 02 giấy vay tiền đều là chữ viết và chữ ký của chị nhưng anh C trình bày chị còn nợ của vợ chồng anh số tiền 80.000.000đ tiền gốc là không đúng. Chị chỉ nợ số tiền 40.000.000đ ngày 03/11/2015, còn 40.000.000đ là tiền lãi anh C tính đến ngày 10/7/2017, do chị chưa trả được nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên anh C nhập số tiền lãi này vào nợ gốc và yêu cầu chị ký thêm 01 giấy vay số tiền 40.000.000đ nữa, do đó tổng nợ gốc anh C tính cho chị mới lên đến 80.000.000đ. Nay tại phiên tòa anh C chỉ yêu cầu chị phải trả số tiền nợ gốc 40.000.000đ, lãi tính từ ngày 03/11/2015 đến ngày 03/7/2019 là 44 tháng với lãi suất 20%/năm là 29.321.000đ, tổng số tiền cả gốc và lãi là 69.321.000.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi một đồng), chị đồng ý trả cho anh C số tiền gốc và lãi nêu trên, nhưng chị đề nghị anh C cho chị trả dần.

Quan điểm của anh C không đồng ý cho chị B trả dần, mà yêu cầu chị B phải trả ngay theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Minh C và bị đơn là chị Nguyễn Thị B đã thỏa thuận được với nhau về số tiền chị B phải trả cho vợ chồng anh C, chị Hiền cả gốc và lãi là 69.321.000.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi một đồng), nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn chị Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Thu H (vợ anh Vũ Minh C) vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên chị H đã ủy quyền cho anh C tham gia tố tụng, anh C có mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thu H.

[3]. Về nội dung: Xét thấy, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; việc hai bên giao kết vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; nội dung và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, tuân thủ đúng quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại điều 117, điều 118, điều 119 Bộ luật dân sự 2015. Chị Nguyễn Thị B thừa nhận chữ ký và chữ viết trong 02 giấy vay tiền lập ngày 03/11/2015 và ngày 10/7/2017 là của mình, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn anh C yêu cầu bị đơn chị B phải trả số tiền nợ gốc 40.000.000đ, lãi tính từ ngày 03/11/2015 đến ngày 03/7/2019 là 44 tháng với lãi suất 20%/năm là 29.321.000đ. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 69.321.000đ. Bị đơn chị B cũng đồng ý số nợ tiền gốc và lãi phát sinh như anh C yêu cầu. Như vậy, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về số tiền phải thanh toán cho nhau, nhưng không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả nợ, anh C yêu cầu phải trả ngay theo quy định của pháp luật, chị B thì đề nghị được trả dần. Do đó, cần xử buộc chị B phải cho anh C và chị H (do anh C đại diện) số tiền 69.321.000đ.

Về tiền lãi: nguyên đơn là anh C và bị đơn là chị B đã thỏa thuận được với nhau về lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, như vậy lãi suất chị B phải trả cho anh C và chị H là $40.000.000đ \times 20\%/năm (1,666\%/tháng) \times 44 \text{ tháng} = 29.321.000đ$,

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Minh C được Tòa án chấp nhận nên chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả cho anh C, nhưng chị B thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Vũ Minh C. Buộc chị Nguyễn Thị B phải trả cho anh Vũ Minh C và chị Trần Thị Thu H (do anh C đại diện) số tiền: 69.321.000đ (Sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) và lãi suất phát sinh là 29.321.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị B.

+ Trả lại cho anh Vũ Minh C số tiền 3.220.000đ (Ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008543 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng